

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 25 tháng 9 năm 2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Trong ngày 25/9/2022, tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/ 2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20/9/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị C, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Y, huyện H, tỉnh L.

Địa chỉ nơi ở: Số nhà 21, tổ dân phố 1A, phường Tr, thành phố B, tỉnh B.

*Bị đơn:* Anh Phạm Đức A, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Số nhà 21, ngõ 46, đường Vương Văn Trà, tổ dân phố 1A, phường Tr, thành phố B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Ngô Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/7/2015, chị kết hôn với anh Phạm Đức A, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr, thành phố B, tỉnh B. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng, quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị hiện đang sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau khoảng gần 01 năm nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức Á.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 13/12/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh Á phải cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công việc chăm sóc sức khỏe theo y học cổ truyền (mát xa, tầm quất) thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đồng/tháng. Anh Á làm công việc tự do, thu nhập bình quân khoảng từ 7.000.000đồng/tháng đến 8.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Á không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Á không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Phạm Đức Á đã được nhận Thông báo về việc Thụ lý vụ án, các giấy báo, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không viết bản tự khai, không có văn bản ý kiến về việc khởi kiện của chị Ngô Thị C, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.*

*Tại biên bản làm việc ngày 07/9/2022, Tổ trưởng Tổ dân phố 1A, phường Trần Nguyên Hãn thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Vợ chồng chị Ngô Thị C và anh Phạm Đức Á là công dân cư trú tại tổ dân phố 1A, phường Trần Nguyên Hãn. Quá trình chung sống tại địa phương chị C, anh Á có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Vợ chồng chị C, anh Á có 01 con chung, hiện nay, con chung vẫn đang sinh sống cùng chị C, anh Á tại số nhà 21, ngõ 46, đường Vương Văn Trà, tổ 1A, phường Tr, thành phố B, tỉnh B.*

*Tại phiên tòa ngày 20/9/2022: Tòa án phải hoãn phiên tòa vì lý do anh Phạm Đức Á vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.*

*Tại phiên tòa ngày 25/9/2022:*

Anh Phạm Đức Á vắng mặt không có lý do. Chị Ngô Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Ngô Thị C được ly hôn anh Phạm Đức A.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Ngô Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 13/12/2015.

+ Về án phí: Ngô Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn đến Tòa án để viết bản tự khai, đề Tòa án lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến làm việc, không nộp bản tự khai. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bị đơn cung cấp văn bản ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp.

[2.2] Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp (bản gốc giấy chứng nhận kết hôn) xác định: Chị Ngô Thị C và anh Phạm Đức A kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố B, tỉnh B, được UBND phường Trần Nguyên Hãn cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, chị C trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng đã sống ly thân khoảng gần 01 năm nay. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi chị C, anh A sinh sống thì quá trình chung sống chị C, anh A có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần báo anh A đến để hòa giải nhưng anh A không đến. Chị C xác định không còn tình cảm với anh A, vợ chồng không có khả năng chung sống nữa.

[2.2] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị C, anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh Ân.

[3] Về con chung: Chị C, anh A có 01 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 13/12/2015. Xét thấy, chị C có công việc, có thu nhập, anh A không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, để con chung có cuộc sống ổn định cần giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Ngô Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị C được ly hôn anh Phạm Đức A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Ngô Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 13/12/2015. Sau khi ly hôn, anh Phạm Đức A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị C phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số 0001682 ngày 11/8/2022. Xác nhận chị C đã nộp xong tiền án phí

dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tp Bắc Giang;
- CCTHADS Tp Bắc Giang;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn, tp Bắc Giang;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thị Luyện**